

Số: 05/2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật, mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ Về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 64/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật, mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật, mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định:

a) Chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14.

b) Mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

c) Mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 64/2021/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP, Thông tư số 64/2021/TT-BTC và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh (sau đây gọi chung là các Sở, ban, ngành).

2. Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp hoạt động, dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí để các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 64/2021/TT-BTC và điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này.

3. Phương thức thực hiện

a) Hằng năm, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp xây dựng dự toán kinh phí, đăng ký tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật của doanh nghiệp nhỏ và vừa với Sở Tư pháp để tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp theo quy định.

b) Kinh phí tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Sở Tư pháp để ký hợp đồng với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa doanh nghiệp và tư vấn viên pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh

công bố, nhưng tối đa không quá 05 triệu đồng một năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, không quá 07 triệu đồng một năm đối với doanh nghiệp nhỏ, không quá 10 triệu đồng một năm đối với doanh nghiệp vừa.

Điều 5. Mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Chi xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các dữ liệu, cơ sở dữ liệu phục vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2026/NĐ-CP Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các văn bản hiện hành về chi ứng dụng công nghệ thông tin và các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Chi hoạt động cung cấp thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP dưới các hình thức: Tài liệu viết; dữ liệu điện tử (bản tin pháp luật, phóng sự, chuyên đề, chuyên mục nâng cao kiến thức pháp luật) để đăng tải trên các phương tiện truyền thông, mức chi cụ thể như sau:

a) Chi biên soạn sách, tài liệu: Thực hiện theo quy định về chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC Hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi sản xuất, phát hành, phát sóng các chương trình thu hình, thu thanh; các nội dung chi khác liên quan đến hoạt động cung cấp thông tin: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP Quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 21/2015/NĐ-CP Quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Chi tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP:

a) Chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tư vấn viên pháp luật: Ngoài các chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa, tư vấn viên pháp luật tự chi trả (gồm: Chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và các khoản chi khác do doanh nghiệp quyết định hỗ trợ cho người lao động khi tham dự tập huấn theo khả năng nguồn kinh phí của doanh nghiệp), ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi khác để tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật: Mức chi thực hiện theo quy định về chế độ chi tổ chức hội nghị tại Nghị quyết số

07/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Đối với chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho các đối tượng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chi tổ chức đối thoại, diễn đàn tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

5. Chi mua các ấn phẩm, sách, tài liệu tuyên truyền phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chi xây dựng và thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Chi khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC;

b) Chi các cuộc họp góp ý đề cương chương trình, xét duyệt, thẩm định, xây dựng nội dung chương trình: Thực hiện theo chế độ chi hội nghị quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND;

c) Chi thực hiện chương trình: Các cơ quan được giao thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa căn cứ chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chế độ, định mức chi đã được quy định để thực hiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 42 Phụ lục III, số thứ tự 38 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ hai (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- CSDL VBQPPL tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NgT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi